

Bản án số: 07/2021/HS-PT

Ngày: 18 - 01 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Lương Văn Hiến.

Bà Trần Thị Nhài.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Mai Loan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:*
Bà Dương Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm, thụ lý số 154/2020/TLPT-HS ngày 04 tháng 11 năm 2020, do có kháng cáo của bị cáo Trần Minh H và các bị cáo khác đối với bản án hình sự sơ thẩm số 113/2020/HSST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Minh H; tên gọi khác: Không có; sinh năm 1970; Nơi thường trú: Xóm ĐT1, xã TK, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Trước khi bị khởi tố là Bí thư Đảng ủy xã TK; Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (bị đình chỉ sinh hoạt cấp ủy, chức vụ Bí thư Đảng ủy và Đảng viên theo Quyết định số 57-QĐ/UBKTHU ngày 30/10/2019 và Quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng số 59-QĐ/UBKTHU ngày 12/02/2020 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy PB); Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới T6h: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Công L1, sinh năm 1936 và bà Trần Thị T2 (đã chết); Có vợ là Bùi Thị T1, sinh năm 1973; có 02 con (con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2000); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Dương Văn Ch; tên gọi khác: Không có; sinh năm 1959; Nơi thường trú: Xóm CNg, xã TK, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Cán bộ hưu; Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 61-QĐ/UBKTHU ngày 12/02/2020 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy PB); Trình độ văn hoá: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới T6h: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Văn M2 và bà Nguyễn Thị B2 (đều đã

chết); Có vợ là Dương Thị Th2, sinh năm 1961; có 04 con (con lớn sinh năm 1984, con nhỏ sinh năm 1991); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa)

3. Trần Chí Th; tên gọi khác: Không có; sinh năm 1972; Nơi thường trú: Xóm ĐT1, xã TK, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Trước khi bị khởi tố là Công chức Địa chính-Nông nghiệp-Xây dựng và Môi trường xã Bảo Lý, bị tạm đình chỉ công tác theo Quyết định 7093/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện PB); Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 62-QĐ/UBND ngày 12/02/2020 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy PB); Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới T6h: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Xuân T3, sinh năm 1945 và bà Vũ Thị V3, sinh năm 1943; Có vợ là Trần Thị H3, sinh năm 1977; có 03 con (con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2020); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa)

4. Phạm Văn H4; tên gọi khác: Không có; sinh năm 1973; Nơi thường trú: Xóm ĐK, xã ĐX, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Trước khi bị khởi tố là Công chức Địa chính-Nông nghiệp-Xây dựng và Môi trường xã Xuân Phương, bị tạm đình chỉ công tác theo Quyết định 7092/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện PB; Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 63-QĐ/UBND ngày 12/02/2020 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy PB); Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới T6h: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Bá Nh4 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ4, sinh năm 1934; Có vợ là Vũ Thị Hải Y4, sinh năm 1974; có 02 con (con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2008); Gia đình bị cáo có 06 anh em, bị cáo là con thứ 05; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa cho các bị cáo Trần Chí Th và Phạm Văn H4: Luật sư Đặng Văn Cường, Luật sư văn phòng Luật sư Chính Pháp – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. (có mặt)

Trong vụ án này còn có bị cáo Nguyễn Bá Tr và những người có quyền lợi, nghĩa vụ L6 quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị, vắng mặt do Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện chương trình, kế hoạch xây dựng xã TK, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên đạt chuẩn Nông thôn mới, Ủy ban nhân dân xã TK, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên (sau đây gọi tắt là UBND xã) có kế hoạch mở rộng Trụ sở làm việc, mở rộng Trường mầm non, làm mới đường giao thông L6 xóm và các Công trình xây dựng như: Lò đốt rác, cột phát thanh FM..., do không có nguồn kinh phí để thực hiện, Ban Thường vụ Đảng ủy xã TK (gồm có Bí thư

Đảng ủy và Phó Bí thư - Chủ tịch UBND xã) có chủ trương tổ chức bán đất, giao đất và thu tiền đối với diện tích đất đang do UBND xã quản lý tại xóm PCh, xã TK. Vị trí các thửa đất nằm dọc theo trục đường L6 xã TK đi xã BL; Trung tâm UBND xã đi Trường Trung học cơ sở LT và nằm trong khu vực chợ TK thuộc thửa đất số 1120 và 1161, tờ bản đồ số 21 cho các hộ gia đình có nhu cầu sử dụng. Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của cấp ủy, Chủ tịch UBND xã đã chỉ đạo cán bộ địa chính thực hiện việc đo, xác định diện tích, mốc giới các thửa đất và giao cho các hộ gia đình sử dụng. Từ năm 2008 đến năm 2017, UBND xã đã giao trái thẩm quyền cho 11 hộ gia đình, tổng số 883m² đất, thu tổng số tiền 851.900.000đ (tám trăm năm mươi một triệu chín trăm nghìn đồng). Qua từng thời kỳ việc giao đất trái thẩm quyền được thực hiện như sau:

Năm 2008, trên cơ sở đơn đề nghị được H7 thức phân đất đang sử dụng của hộ gia đình ông Lê Duy Th6, ông Vũ Duy Kính giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy xã (nhiệm kỳ 2005-2010) đã tổ chức họp Ban thường vụ để thống nhất và giao cho chính quyền xã TK xem xét, giải quyết đơn của ông Th6 theo quy định. Dương Văn Ch giữ chức vụ chủ tịch UBND xã đã chỉ đạo cán bộ địa chính là Trần Chí Th tiến hành đo đạc, kiểm tra, xác định phần đất có diện tích 212m² mà gia đình ông Th6 đang sử dụng (do lấn chiếm) là đất do UBND xã quản lý; đã nhất trí cho hộ gia đình ông Lê Duy T6, sinh năm 1969, hộ khẩu thường trú tại: Xóm PCh, xã TK, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên (là con trai và ở cùng ông Lê Duy Th6) tiếp tục sử dụng và hướng dẫn ông T6 nộp tiền cho UBND xã để mua phần đất này. Tổng diện tích đất UBND xã đã bán cho hộ gia đình ông Lê Duy T6 là 212m² đất thuộc tờ bản đồ số 21, số thửa 1120, tại xóm PCh, xã TK. UBND xã giao đất năm 2008 và thu tổng số tiền: 21.400.000 đồng. Hiện tại trên đất đã có một phần công trình phụ.

Từ năm 2012 đến năm 2015, UBND xã đã giao trái thẩm quyền 511m² đất cho 06 hộ dân thu tổng số tiền 590.500.000đồng.

Trần Minh H giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy xã (nhiệm kỳ 2010- 2015) đã tổ chức chủ trì cuộc họp Ban thường vụ Đảng ủy xã, nội dung họp bàn và nhất trí giao cho Chủ tịch UBND xã thực hiện việc bán diện tích đất thuộc xóm PCh, xã TK, tại thửa đất số 1120, tờ bản đồ số 21 cho các hộ gia đình, cá nhân để thu tiền sử dụng vào các mục đích xây dựng Ch của xã. Dương Văn Ch giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã (nhiệm kỳ 2005- 2010 và 2010- 2015) đã chỉ đạo thông báo công khai trên loa phát Th xã về vị trí các ô đất để hộ dân nào có nhu cầu mua sử dụng thì làm đơn đăng ký với UBND xã.

Sau khi tiếp nhận thông tin từ UBND xã, các hộ dân nộp đơn đề nghị mua đất được Dương Văn Ch tiếp nhận, thông báo về giá giao đất, vị trí các ô đất với các hộ dân. Dương Văn Ch đã chỉ đạo Trần Chí Th là cán bộ địa chính của UBND xã (giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2012), thực hiện việc đo đạc, vẽ sơ đồ, cắm mốc giới, giao đất cho 05 hộ gia đình gồm có: Bà Vũ Thị O, bà Trần Thị L6, ông Nguyễn Khắc H7, ông Vũ H9 Qu1, ông Lê Duy K6 và chỉ đạo Phạm Văn H4 là cán bộ địa chính của UBND xã (giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2017) thực hiện việc đo đạc, vẽ sơ đồ, cắm mốc giới, giao đất cho hộ gia

định ông Vũ Duy L7 khi chưa có Quyết định giao đất của cơ quan có thẩm quyền, cụ thể:

1. Giao cho hộ gia đình ông Lê Duy K6, sinh năm 1955, hộ khẩu thường trú tại: Xóm Kim Bảng, xã TK, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên diện tích đất 31m² với giá 700.000đ/m², ông K6 đã nộp số tiền là 20.000.000 đồng, vị trí thửa đất thuộc tờ bản đồ số 21, số thửa 1120, tại xóm PCh được UBND xã bàn giao năm 2012. Hiện tại trên đất đã xây nhà.

2. Giao cho hộ gia đình bà Vũ Thị O, sinh năm 1971, hộ khẩu thường trú tại: Xóm PCh, xã TK, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên diện tích đất là 72m² với giá 2.000.000 đ/m², bà O đã nộp số tiền là 22.000.000 đồng, vị trí thửa đất thuộc tờ bản đồ số 21, số thửa 1120, tại xóm PCh, xã TK, được UBND xã bàn giao năm 2012. Hiện tại trên đất đã xây nhà tạm.

3. Giao cho hộ gia đình bà Trần Thị L6, sinh năm 1948, hộ khẩu thường trú tại: Xóm XM, xã TK, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên diện tích đất là 84m² với giá 2.000.000đ/m², bà L6 đã nộp số tiền là 105.000.000 đồng, vị trí thửa đất thuộc tờ bản đồ số 21, số thửa 1120, tại xóm PCh, xã TK, được UBND xã bàn giao năm 2012. Hiện tại trên đất chưa xây dựng nhà.

4. Giao cho hộ gia đình ông Nguyễn Khắc H7, sinh năm 1940, hộ khẩu thường trú tại: Xóm PCh, xã TK, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên diện tích đất là 70m² (Bảy mươi mét vuông) với giá 2.000.000đ/m², ông H7 đã nộp số tiền là 98.000.000 đồng, vị trí thửa đất thuộc tờ bản đồ số 21, số thửa 1120, tại xóm PCh, xã TK được UBND xã bàn giao năm 2012. Hiện tại trên đất đã xây nhà.

5. Giao cho hộ gia đình ông Vũ H9 Qu1, sinh năm 1983, hộ khẩu thường trú tại: Xóm XM, xã TK, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên diện tích đất là 84m² với giá 2.000.000đ/m², ông Qu1 đã nộp số tiền là 95.000.000 đồng, vị trí thửa đất thuộc tờ bản đồ số 21, số thửa 1120 tại xóm PCh, xã TK được UBND xã bàn giao năm 2012. Hiện tại trên đất chưa xây nhà.

6. Giao cho hộ gia đình ông Vũ Duy L7, sinh năm 1954, hộ khẩu thường trú tại: Xóm Thông, xã TK, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên diện tích đất là 170m² (Một trăm bảy mươi mét vuông) với giá 1.500.000đ/m², ông L7 đã nộp số tiền là 250.500.000 đồng, vị trí thửa đất thuộc tờ bản đồ số 21, số thửa 1120, tại xóm PCh, xã TK, được UBND xã bàn giao năm 2015. Hiện tại trên đất đang trồng cây.

Trong hai nhiệm kỳ giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã, từ năm 2005 đến năm 2015, Dương Văn Ch đã thực hiện việc giao 723m² đất công, loại đất ONT cho 07 hộ gia đình, thu tổng số tiền 611.900.000 đồng, (một số hộ dân chưa nộp đủ tiền mua đất theo như áp giá của Ủy ban nhân dân xã) và chỉ đạo thủ quỹ thu tiền từ người dân mua đất, tự quản lý, sau đó thực hiện chi, sử dụng theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND xã, thực tế đã chi vào việc hỗ trợ tiền đất và tài sản trên đất cho người dân, trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng, chi trả tiền đối ứng, chi giải phóng mặt bằng xây lò đốt rác, làm cột phát thanh FM, sân vận động ...với tổng số tiền là 551.793.000 đồng. Số tiền còn lại 60.107.000 đồng đã bàn giao cho Nguyễn Bá Tr giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã nhiệm kỳ 2015 - 2020.

Từ năm 2015 đến năm 2017, UBND xã giao trái thẩm quyền 160m² đất cho 04 hộ dân, thu tổng số tiền 240.000.000 đồng, cụ thể:

Trần Minh H giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy đã tổ chức chủ trì cuộc họp Ban thường vụ Đảng ủy xã, nội dung họp bàn và thống nhất cho chủ trương bán phần đất công thuộc thửa số 1116 và 1120 tờ bản đồ số 21 đang do UBND xã quản lý. Sau cuộc họp ngày 27/3/2017, Trần Minh H ký thông báo kết luận của Ban thường vụ chỉ đạo UBND xã thực hiện, Nguyễn Bá Tr là chủ tịch UBND xã (nhiệm kỳ 2015-2020) đã chỉ đạo văn phòng UBND xã thông báo công khai trên loa phát Th về vị trí các ô đất để hộ dân nào có nhu cầu mua sử dụng thì làm đơn đăng ký với UBND xã.

Sau khi tiếp nhận thông tin từ UBND xã, có 04 (bốn) hộ dân nộp đơn đề nghị mua đất. Nguyễn Bá Tr giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã đã tiếp nhận đơn và Tr tiếp thỏa thuận thống nhất về giá giao đất, vị trí các ô đất với 04 (bốn) hộ dân. Sau đó, Nguyễn Bá Tr đã chỉ đạo Phạm Văn H4 là cán bộ địa chính của UBND xã đo đạc, vẽ sơ đồ, cắm mốc giới, giao đất cho các hộ dân khi chưa có quyết định của cơ quan có thẩm quyền, cụ thể:

1. Giao cho hộ gia đình bà Đông Thị X6, sinh năm 1975, hộ khẩu thường trú tại: Xóm PCh, xã TK, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên diện tích đất là 44m² (Bốn mươi bốn mét vuông) với giá 1.500.000đ/m², bà X6 đã nộp số tiền: 66.000.000 đ, vị trí thửa đất thuộc tờ bản đồ số 21, số thửa 1116, tại xóm PCh, xã TK, được UBND xã bàn giao năm 2017. Hiện trạng đã có công trình phụ trên đất.

2. Giao cho hộ gia đình ông Nguyễn Xuân M8, sinh năm 1964, hộ khẩu thường trú tại: Xóm Ng8, xã TK, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên diện tích đất là 10m² (Mười mét vuông) với giá 1.500.000đ/m², ông M8 đã nộp số tiền: 15.000.000 đồng, vị trí thửa đất thuộc tờ bản đồ số 21, số thửa 1116, tại xóm PCh, xã TK được UBND xã bàn giao năm 2017. Hiện trên mảnh đất đã xây nhà.

3. Giao cho hộ gia đình ông Trần Văn H9, sinh năm 1973, hộ khẩu thường trú tại: Xóm PCh, xã TK, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên diện tích đất là 74m² (Bảy mươi tư mét vuông) với giá 1.500.000đ/m², ông H9 đã nộp số tiền: 111.000.000 đồng, vị trí thửa đất thuộc tờ bản đồ số 21, số thửa 1120, tại xóm PCh, xã TK được UBND xã bàn giao năm 2015. Hiện tại trên đất đã xây nhà.

4. Giao cho hộ gia đình ông Bùi Việt B9, sinh năm 1969, hộ khẩu thường trú tại: Xóm PCh, xã TK, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên diện tích đất là 32 m² (Ba mươi hai mét vuông) với giá 1.500.000đ/m², ông B9 đã nộp số tiền: 48.000.000 đồng, vị trí thửa đất thuộc tờ bản đồ số 21, số thửa 1116 tại xóm PCh, xã TK được UBND xã bàn giao năm 2017. Hiện tại là mảnh đất trống.

Như vậy, trong nhiệm kỳ giữ chức vụ chủ tịch UBND xã, từ năm 2015 đến năm 2017, Nguyễn Bá Tr đã thực hiện giao trái thẩm quyền 160 m² (Một trăm sáu mươi mét vuông) đất cho 04 hộ gia đình, thu tổng số tiền 240.000.000 đồng. Số tiền này Nguyễn Bá Tr chưa chỉ đạo chi sử dụng vào việc gì mà được thủ quỹ quản lý tại UBND xã.

Ngay sau khi sự việc bị phát hiện, Nguyễn Bá Tr đã chỉ đạo ông Vũ Duy Tr5 là thủ quỹ UBND xã nộp vào tài khoản tạm giữ của Công an tỉnh Thái Nguyên tại kho bạc nhà nước tỉnh Thái Nguyên số tiền 239.968.300 đồng là tiền giao đất đã thu của 04 hộ gia đình ông H9, ông B9, ông M8 và bà X6. Số tiền thu của 07 hộ gia đình bà O, ông T6, bà L6, ông H7, ông L7, ông Qu1 và ông

K6 chưa chi hết do Dương Văn Ch bàn giao cho Nguyễn Bá Tr, Nguyễn Bá Tr chưa chỉ đạo sử dụng vào việc gì, sau khi bị phát hiện đã nộp 60.200.000 đồng vào tài khoản tạm giữ của Công an tỉnh Thái Nguyên tại Kho bạc nhà nước tỉnh Thái Nguyên và Cơ quan thi hành án dân sự huyện Phú Bình. Tổng số tiền UBND xã đã nộp lại cho Cơ quan điều tra và Cơ quan thi hành án dân sự huyện Phú Bình là: 300.168.300đ, trong đó: 300.107.000 đồng là nguồn tiền do giao đất trái thẩm quyền mà có, số tiền còn lại 61.300 đồng của Nguyễn Bá Tr.

Đối với diện tích đất được UBND xã giao trái thẩm quyền cho 11 hộ dân, đến nay, xác định các hộ dân vẫn sử dụng các thửa đất nhưng đều chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên cơ sở số tiền mua đất đã nộp và thực tế đang sử dụng, các hộ dân đều có nguyện vọng và đề nghị được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Kết luận số 5169/STC- QLGCST ngày 17/12/2019 và Kết luận số 2644/STC-QLGDN ngày 02/7/2020 của Hội đồng định giá tỉnh Thái Nguyên xác định:

Tổng giá trị quyền sử dụng đất của bảy (07) hộ dân gồm Vũ Thị O, Lê Duy T6, Trần Thị L6, Nguyễn Khắc H7, Vũ Duy L7, Vũ H9 Qu1, Lê Duy K6 là: 25.200.000 đồng + 16.536.000 đồng + 29.400.000 đồng + 24.500.000 đồng + 170.000.000 đồng + 29.400.000 đồng + 9.300.000 đồng = 304.336.000 đồng.

Tổng giá trị quyền sử dụng đất của bốn (04) hộ dân gồm: Đông Thị X6, Nguyễn Xuân M8, Trần Văn H9, Bùi Việt B9 là: 23.100.000 đồng + 5.250.000 đồng + 28.120.000 đồng + 16.800.000 đồng = 73.270.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 71/STNMT - GDTP ngày 15/7/2019 Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên, kết luận: Việc giao đất của Chủ tịch UBND xã TK, huyện PB là không đúng thẩm quyền giao đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng theo quy định tại khoản 2 điều 37 Luật đất đai 2003 và Khoản 2 điều 59 Luật đất đai 2013. (Thẩm quyền giao đất có thu tiền đối với các hộ dân trên thuộc quyền của Chủ tịch UBND huyện PB). Việc UBND xã TK bàn giao đất cho 11 hộ gia đình, cá nhân là không đúng trình tự thủ tục theo quy định tại điều 124 ND 181/2004 ngày 29/10/2004 của Chính phủ và điểm b khoản 1 điều 60 Nghị định số 43/2014/ND- CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ.

Hành vi “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” của các bị cáo trong việc cho chủ trương và giao đất cho 11 hộ gia đình có thu tiền đất trái thẩm quyền gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước (theo kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự tỉnh Thái Nguyên) số tiền: 377.606.000 đồng, cụ thể:

- Trần Minh H là Bí thư Đảng ủy xã là người Tr tiếp chỉ đạo và cho chủ trương để Chủ tịch UBND xã giao đất trái thẩm quyền cho 10 hộ gia đình, cá nhân, tổng diện tích 671m² đất, có tổng giá trị quyền sử dụng đất là: 361.070.000 đồng.

- Dương Văn Ch là Chủ tịch UBND xã đã Tr tiếp chỉ đạo, thực hiện việc giao đất trái thẩm quyền cho 07 hộ gia đình, diện tích 723 m² đất, có tổng giá trị quyền sử dụng đất là: 304.336.000 đồng.

- Nguyễn Bá Tr là Chủ tịch UBND xã đã Tr tiếp chỉ đạo, thực hiện giao đất trái thẩm quyền cho 04 hộ gia đình, diện tích 160 m² đất, có tổng giá trị quyền sử dụng đất là: 73.270.000 đồng.

- Trần Chí Th là cán bộ địa chính xã đã Tr tiếp đo, xác định mốc giới, giao cho 06 hộ gia đình diện tích 553m² đất, có tổng giá trị quyền sử dụng đất là: 134.336.000 đồng.

- Phạm Văn H4 là cán bộ địa chính xã đã Tr tiếp đo, xác định mốc giới, giao cho 05 hộ gia đình, diện tích 330m² đất, có tổng giá trị quyền sử dụng đất là: 243.270.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 113/2020/HSST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đã tuyên bố các bị cáo Trần Minh H, Dương Văn Ch, Trần Chí Th và Phạm Văn H4 phạm tội: “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”;

1. Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 357; điểm b, v, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Trần Minh H 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành bản án. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ nộp ngân sách Nhà nước; cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến hành vi phạm tội trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

- Xử phạt bị cáo Dương Văn Ch 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành bản án. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ nộp ngân sách Nhà nước.

2. Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 357; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Trần Chí Th 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành bản án. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ nộp ngân sách Nhà nước; cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến hành vi phạm tội trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn H4 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành bản án. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ nộp ngân sách Nhà nước; cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến hành vi phạm tội trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định tội danh, hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Bá Tr; xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Ngày 08/10/2020, các bị cáo Trần Minh H, Trần Chí Th, Phạm Văn H4 và Dương Văn Ch có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các bị cáo khai nhận về diễn biến hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã nêu.

Phần kết luận tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất vụ án, vai trò của các bị cáo trong vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội Lạm quyền trong khi thi hành công vụ quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật hình sự là có căn cứ,

đúng quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và có nhân thân tốt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, đồng thời áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà các bị cáo bị truy tố xét xử là đã xem xét cho các bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Trần Minh H và Dương Văn Ch tranh luận: Việc truy tố và xét xử đối với các bị cáo theo tội danh và điều luật như kết luận của Viện kiểm sát là đúng, nhưng hình phạt đã tuyên là quá nặng, đề nghị xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo.

Bị cáo Trần Chí Th và Phạm Văn H4 không tranh luận gì.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo Trần Chí Th và Phạm Văn H4 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về vai trò của bị cáo Th và bị cáo H4 trong vụ án, nguyên nhân, điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo vì các bị cáo phạm tội là do thực hiện chỉ đạo của Đảng ủy và Chủ tịch UBND xã. Các bị cáo tham gia với vai trò thứ yếu, không đáng kể. Trong vụ án này, vai trò cao nhất thuộc về các bị cáo nguyên là Bí thư đảng ủy và Chủ tịch UBND xã. Các bị cáo Th, H4 có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị cho các bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật, giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo, tạo cơ hội sửa chữa lỗi lầm cho các bị cáo.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện, hoàn cảnh, nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo và quá trình công tác có nhiều đóng góp cho địa phương để giảm nhẹ một phần hình phạt và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định và đúng theo thủ tục quy định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Căn cứ lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Trần Minh H là Bí thư Đảng ủy xã TK từ năm 2010 đến 2017, Dương Văn Ch là Chủ tịch UBND xã TK từ năm 2008 đến 2015, Nguyễn Bá Tr là Chủ tịch UBND xã TK từ năm 2015 đến 2017, Trần Chí Th và Phạm Văn H4 là Cán bộ địa chính có trách nhiệm tham mưu giúp Chủ tịch UBND xã trong công tác quản lý đất đai (Th giai đoạn 2000-2012, H4 giai đoạn 2012-2017). Vì động cơ

vụ lợi cho tập thể địa phương nơi công tác, H đã đề ra chủ trương để Ch và Th chuyển nhượng đất trái thẩm quyền 05 hộ dân, để Tr và H4 chuyển nhượng đất trái thẩm quyền 05 hộ dân. Còn đối với 01 hộ ông Lê Duy T6 là do Ch Tr tiếp chỉ đạo Th chuyển nhượng đất trái thẩm quyền, cụ thể:

- Năm 2008: Tại khu vực xóm PCh TK đã giao 212m² cho hộ ông Lê Duy T6 thu 21.400.000 đồng;

- Năm 2012: Tại khu vực xóm PCh TK đã giao 31m² cho hộ ông Lê Duy K6 thu 20.000.000 đồng; đã giao 72m² cho hộ bà Vũ Thị O thu 22.000.000 đồng; đã giao 84m² cho hộ bà Trần Thị L6 thu 105.000.000 đồng; đã giao 70m² cho hộ ông Nguyễn Khắc H7 thu 98.000.000 đồng; đã giao 84m² cho hộ ông Vũ H9 Qu1 thu 95.000.000 đồng;

- Năm 2015: Tại khu vực xóm PCh TK đã giao 170m² cho hộ ông Vũ Duy L7 thu 205.500.000 đồng; đã giao 74m² cho hộ ông Trần Văn H9 111.000.000 đồng;

- Năm 2017: Tại khu vực xóm PCh TK đã giao 44m² cho hộ bà Đông Thị X6 thu 66.000.000 đồng; đã giao 10m² cho hộ ông Nguyễn Xuân M8 thu 15.000.000 đồng; đã giao 32m² cho ông Bùi Việt B9 thu 48.000.000 đồng.

Kết quả định giá tài sản số 5169/STC- QLGCs ngày 17/12/2019 và kết quả định giá tài sản số 2644/STC- QLGDN ngày 02/7/2020 của Hội đồng định giá tỉnh Thái Nguyên về việc định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xác định: 212m² đất ông Lê Duy T6 mua vào thời điểm năm 2008 có giá trị: 16.536.000 đồng; 31m² đất ông Lê Duy K6 mua vào thời điểm năm 2012 có giá trị: 9.300.000 đồng; 72m² đất bà Vũ Thị O mua vào thời điểm năm 2012 có giá trị: 25.200.000 đồng; 84m² đất bà Trần Thị L6 mua vào thời điểm năm 2012 có giá trị: 29.400.000 đồng; 70m² đất ông Nguyễn Khắc H7 mua vào thời điểm năm 2012 có giá trị: 24.500.000 đồng; 84m² đất ông Vũ H9 Qu1 mua vào thời điểm năm 2012 có giá trị: 29.400.000 đồng; 170m² đất ông Vũ Duy L7 mua vào thời điểm năm 2015 có giá trị: 170.000.000 đồng; 44m² đất bà Đông Thị X6 mua vào thời điểm năm 2017 có giá trị: 23.100.000 đồng; 10m² đất ông Nguyễn Xuân M8 mua vào thời điểm năm 2017 có giá trị: 5.250.000 đồng; 74m² đất ông Trần Văn H9 mua vào thời điểm năm 2015 có giá trị: 28.120.000 đồng; 32m² đất ông Bùi Việt B9 mua vào thời điểm năm 2017 có giá trị: 16.800.000 đồng. Tổng số tiền thiệt hại do các bị cáo bán đất trái thẩm quyền là 377.606.000đ (Ba trăm bảy mươi bảy triệu sáu trăm linh sáu nghìn đồng), cụ thể:

Trần Minh H cho chủ trương giao đất trái thẩm quyền cho 10 hộ gia đình, cá nhân, tổng diện tích 671m² đất, có tổng giá trị quyền sử dụng đất là: 361.070.000 đồng; Dương Văn Ch đã chỉ đạo giao đất trái thẩm quyền cho 07 hộ gia đình, diện tích 723 m² đất, có tổng giá trị quyền sử dụng đất là: 304.336.000 đồng; Nguyễn Bá Tr đã chỉ đạo giao đất trái thẩm quyền cho 04 hộ gia đình, diện tích 160 m² đất, có tổng giá trị quyền sử dụng đất là: 73.270.000 đồng; Trần Chí Th đã Tr tiếp đo, xác định mốc giới, giao cho 06 hộ gia đình diện tích 553m² đất, có tổng giá trị quyền sử dụng đất là: 134.336.000 đồng và Phạm Văn H4 đã Tr tiếp đo, xác định mốc giới, giao cho 05 hộ gia đình, diện tích 330m² đất, có tổng giá trị quyền sử dụng đất là: 243.270.000 đồng.

Các bị cáo Trần Minh H, Dương Văn Ch, Nguyễn Bá Tr, Trần Chí Th và Phạm Văn H4 đều là những người có chức vụ, quyền hạn nhất định nhưng khi thực hiện nhiệm vụ được giao lại thực hiện những việc vượt quá quyền hạn trong việc bán đất trái phép, hành vi của các bị cáo đã vi phạm khoản 2 Điều 37 Luật đất đai năm 2003 và Điều 31 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ quy định về thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Hành vi vượt quá quyền hạn này đã gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước. Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan tiến hành tố tụng xác định các bị cáo không hưởng lợi vật chất gì, toàn bộ số tiền nêu trên đều được đầu tư vào các công trình công cộng hoặc phúc lợi của địa phương, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không đề nghị giải quyết vấn đề dân sự, không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên vấn đề này các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm không đặt ra để giải quyết. Đến nay vụ án không bị kháng cáo, kháng nghị về vấn đề này nên cấp phúc thẩm không xem xét, giải quyết.

Hành vi phạm tội của các bị cáo không những xâm phạm vào hoạt động đúng đắn và uy tín của cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, xã hội, các quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân mà còn ảnh hưởng tiêu cực về nhiều mặt, gây bất bình trong nhân dân. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần Minh H, Dương Văn Ch, Trần Chí Th và Phạm Văn H4 về tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của các bị cáo:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Đảng ủy, UBND, HĐND, UBMTTQ và các đoàn thể xã Tâm Khánh, huyện PB có văn bản đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Quá trình xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã có sự phân tích, đánh giá toàn diện về các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, T6h chất nguy hiểm của hành vi, đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự quyết định mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là đã xem xét khoan hồng cho các bị cáo. Vì vậy, các quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật. Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị của Luật sư bào chữa cho các bị cáo Trần Chí Th và Phạm Văn H4 Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí: Kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Minh H, Dương Văn Ch, Trần Chí Th và Phạm Văn H4; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 113/2020/HSST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện PB, tỉnh Thái Nguyên;

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 357; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Trần Minh H 03 (ba) năm tù về tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”, thời hạn chấp hành hình phạt tù T6h từ ngày đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Dương Văn Ch 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 357; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt Trần Chí Th 02 (hai) năm tù về tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Xử phạt Phạm Văn H4 02 (hai) năm tù về tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

3. Áp dụng khoản 5 Điều 357 Bộ luật hình sự: Cấm các bị cáo Trần Minh H, Trần Chí Th và Phạm Văn H4 đảm nhiệm chức vụ liên quan đến hành vi phạm tội trong thời hạn 01 (một) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Phạt bổ sung các bị cáo Trần Minh H, Dương Văn Ch, Trần Chí Th và Phạm Văn H4, mỗi bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Trần Minh H, Dương Văn Ch, Trần Chí Th và Phạm Văn H4, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 113/2020/HSST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Văn Hiến

Trần Thị Nhài

Đặng Minh Tuấn